

Số: 62 /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến rau quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2022 - 2030

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2022 - 2030; trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1026/TTr-UBND ngày 06/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến rau quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2022 - 2030, với các nội dung sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Phát triển bền vững ngành chế biến rau quả trên cơ sở thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

- Đến năm 2030, ngành chế biến rau quả phát triển hiệu quả, an toàn và bền vững; đáp ứng được yêu cầu sản xuất và nhu cầu thị trường tiêu thụ; có trình độ công nghệ tiên tiến được gắn với các vùng sản xuất rau quả tập trung, sản lượng hàng hóa lớn; sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tồn thất sau thu hoạch rau quả giảm bình quân trên 1,0%/năm.
- Trên 50% cơ sở chế biến, bảo quản rau quả xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến.
- Thu hút 3 - 5 doanh nghiệp đầu tư vào chế biến rau quả trên địa bàn tỉnh.

II. Nội dung kế hoạch

1. Tổ chức sản xuất rau quả nguyên liệu phục vụ chế biến

Xây dựng, hình thành các vùng sản xuất rau quả tập trung, mô hình, dự án chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau quả. Ưu tiên lựa chọn phát triển một số loại rau quả chủ lực mà địa phương có lợi thế sản xuất, liên kết với các khu vực, địa phương xung quanh để tạo vùng rau quả tập trung, quy mô hàng hóa lớn.

2. Phát triển, đẩy mạnh đầu tư nâng cao năng lực cơ sở sơ chế, chế biến rau quả

Thu hút đầu tư cơ sở chế biến tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường và tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đã có để tạo thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến hỗ trợ phát triển ngành chế biến, bảo quản rau quả.

3. Đẩy mạnh chế biến các sản phẩm rau quả chủ lực, sản phẩm có giá trị gia tăng cao

- Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm từ sản phẩm thô sang sản phẩm chế biến tinh, chế biến sâu, chế biến tổng hợp để tạo giá trị gia tăng cao.

- Phát triển chế biến rau quả chủ lực, đặc sản địa phương, vùng miền và sản phẩm OCOP nhằm ổn định, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm và kéo dài thời gian sử dụng.

4. Phát triển thị trường tiêu thụ rau, quả

- Cập nhật thông tin về chính sách thương mại, thị hiếu, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các rào cản kỹ thuật, thuế để định hướng cho hoạt động sản xuất của địa phương.

- Tổ chức tốt hoạt động xúc tiến thương mại; quảng bá giới thiệu sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm rau quả; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm rau quả của địa phương.

- Tiếp tục tuyên truyền thực hiện hiệu quả, thiết thực cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, khuyến khích sử dụng sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

III. Nguồn kinh phí

1. Tổng kinh phí thực hiện: 43,5 tỷ đồng (*có bảng khái toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch kèm theo*).

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách nhà nước: 39,5 tỷ đồng.

- Vốn doanh nghiệp: 4,0 tỷ đồng.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất đánh giá kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành triển khai có hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Chủ trì xây dựng các mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ rau quả. Hỗ trợ các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm, khuyến khích các cơ sở sản xuất chế biến tham gia vào Chương trình OCOP và chuyển đổi số. Thường xuyên cập nhật, rà soát các tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm rau quả chế biến, phổ biến kịp thời đến các tổ chức cá nhân để có biện pháp điều chỉnh hoạt động chế biến cho phù hợp. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm rau quả chế biến của tỉnh.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản là đơn vị đầu mối trong việc chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này.

2. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, cung cấp thông tin thị trường trong nước và quốc tế để định hướng sản xuất chế biến sản phẩm rau quả của tỉnh; thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, hỗ trợ giới thiệu sản phẩm, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm rau quả chế biến của tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp liên kết chế biến rau quả. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công liên quan đến Đề án phát triển ngành chế biến rau quả trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan lập, thực hiện thẩm tra tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu áp dụng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp chế biến rau quả đầu tư đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đăng ký sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, chuyển giao kỹ thuật và giải pháp công nghệ, truy xuất nguồn gốc trong lĩnh vực chế biến, bảo quản rau quả.

- Triển khai hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản rau quả theo Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 và Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Sở Tài nguyên và môi trường

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh bố trí quỹ đất nhằm thu hút các doanh nghiệp, cơ sở chế biến rau quả đầu tư trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các sở, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau quả.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy hoạch, phát triển các vùng nguyên liệu, sản xuất thực phẩm an toàn.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, bảo quản rau quả phù hợp với nguồn lực của địa phương, thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn, triển khai việc áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, các mô hình sản xuất thực phẩm theo chuỗi, hệ thống phân phối thực phẩm an toàn.

- Đề xuất các chương trình dự án cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ điều kiện thực tế, lồng ghép các nội dung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Các sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND

các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan của Kế hoạch này.

Yêu cầu các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và truyền thông;
- Hội Nông dân tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB; CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KTNph124.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục
KHAI TOÁN/KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện					Ước giai đoạn 2026 - 2030		
			Tổng kinh phí	NSNN	Vốn Doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	Năm 2025
1	Hỗ trợ phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm rau quả	Sở	28.000	26.000	2.000	3.000	3.000	3.000	3.000	16.000
2	Hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ chế biến rau quả	Nông nghiệp và PTNT	7.000	6.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	3.000
3	Xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu cho các sản phẩm rau quả chế biến của tỉnh		8.500	7.500	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	4.500
TỔNG:			43.500	39.500	4.000	5.000	5.000	5.000	5.000	23.500

Giai đoạn 2022 - 2025
(Nguồn kinh phí thực hiện tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2025)